TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 152/2026/QĐST-VLĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Trần Thị Thắm.

***Thư ký phiên họp*:** Ông Lê Duy Long - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp*:** Bà Nguyễn Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: ngày 06 tháng 5 năm 2026 về việc "Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 136/2026/QĐST-VLĐ ngày 14 tháng 5 năm 2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:* Ông Nguyễn Đức S, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn A, xã V, tỉnh Nghệ An; tạm trú: Số A đường N, khu phố T, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty TNHH D; địa chỉ: Số A, đường D, phố C, T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại theo ủy quyền: Ông Nguyễn Gia Đ, sinh năm 1988; địa chỉ: Số F khu phố Đ, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, (theo văn bản ủy quyền ngày 13/5/2026). Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Bảo hiểm xã hội cơ sở D1, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: Đường T, khu T, khu phố N, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Văn T, sinh năm 1988; thường trú: Số A, khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. (văn bản ủy quyền ngày 12/5/2026). Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- *Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và lời khai trong quá trình giải quyết ông Nguyễn Đức S trình bày:* Vào tháng 9/2007 đến tháng 02/2010 ông

Nguyễn Đức S làm việc tại Công ty Cổ phần H, vị trí làm việc:công nhân thợ hàn, thời gian làm việc: 7 giờ 30 phút đến 17 giờ 00 phút, tham gia bảo hiểm xã hội số 9107215847. Tháng 8/2025 ông Nguyễn Đức S thực hiện thủ tục điều chỉnh thông tin bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế thì được thông báo ngoài việc tham gia bảo hiểm xã hội thì ông S có thời gian từ tháng 9/2009 đến tháng 01/2010 làm việc tại Công ty TNHH D với mã số bảo hiểm số 7409255702. Ông S xác định bản thân ông trong khoảng thời gian đó đang làm việc tại Công ty Cổ phần H, ông chưa từng làm việc hay ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH D, ông cũng không cho ai mượn chứng minh nhân dân và cũng không biết ai đã sử dụng thông tin của ông (Nguyễn Đức S) để giao kết hợp đồng với Công ty TNHH D. Vì vậy, đểđảm bảo quyền lợi bảo hiểm xã hội, ông S yêu cầu Tòa án tuyên bố thời gian ký kết hợp đồng lao động giữa ông Nguyễn Đức S và Công ty TNHH D trong khoảng thời gian từ tháng 9/2009 đến tháng 01/2010 là vô hiệu. Ông Nguyễn Đức S không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả khi tuyên hợp đồng vô hiệu.

- Ông Dương Văn T là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội cơ sở D1, Thành phố Hồ Chí Minh (viết tắt là BHXH) trình bày:

Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của Công ty TNHH D cho người lao động thì Công ty có tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho ông Nguyễn Đức S, sinh năm 1983, số CMND 186171220, với mã số BHXH 7409255702 có quá trình tham gia BHXH, BHYT, BHTN từ tháng 9/2009 đến tháng 01/2010 tại Công ty TNHH D đã chốt sổ và chưa nhận trợ cấp BHXH một lần. Qua kiểm tra dữ liệu ông Nguyễn Đức S còn có mã số BHXH 9107215847 có quá trình tham gia BHXH từ tháng 9/2007 đến tháng 02/2010 tại Công ty Cổ phần H.

Đối với yêu cầu của ông Nguyễn Đức S về việc tuyên bố hợp đồng lao động trong khoảng thời gian từ tháng 9/2009 đến tháng 01/2010 giữa ông Nguyễn Đức S và Công ty TNHH D vô hiệu thì đề nghị Tòa án Căn cứ theo Điều 9, Điều 10, Điều 11 của Nghị định số 145/2020/NĐ-CP quy định về việc xử lý hợp đồng lao động vô hiệu để giải quyết. Về hợp đồng lao động, giấy tờ tùy thân của ông Nguyễn Đức S, BHXH không lưu trữ những hồ sơ này. Đối với các yêu cầu khác của ông Nguyễn Đức S thì BHXH cơ sở D1 không có ý kiến.

- Ông Nguyễn Gia Đ là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan của Công ty TNHH D trình bày:

Ông Nguyễn Đức S có giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH D và được Công ty tham gia BHXH, tuy nhiên do thời gian đã lâu nên Công ty không còn lưu trữ hồ sơ lao động của ông Nguyễn Đức S nên không thể cung cấp cho Toà án. Tất cả người lao động khi xin việc tại Công ty đều phải có hồ sơ xin việc, sơ yếu lý lịch đầy đủ, có xác nhận của chính quyền địa phương, công ty không hề biết việc ai mượn giấy tờ của ông Nguyễn Đức S để làm việc tại Công ty, do khi tuyển dụng, số người lao động ứng tuyển tại công ty rất lớn. Nay ông Nguyễn Đức S yêu cầu Toà án tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Nguyễn Đức S và Công ty TNHH D vô hiệu thì Công ty không có ý kiến gì, đề nghị Toà án giải quyết theo

quy định của pháp luật. Trường hợp Toà án tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu thì Công ty không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, đồng thời không có yêu cầu gì trong vụ án.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên họp*:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét đơn yêu cầu: Thẩm phán được phân công thụ lý và giải quyết việc lao động đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tại phiên họp đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Yêu cầu của ông Nguyễn Đức S là có căn cứ, đề nghị Toà án chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người yêu cầu ông Nguyễn Đức S, người đại diện theo ủy quyền của Bảo hiểm xã hội cơ sở D1, Thành phố Hồ Chí Minh và người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH D có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] [2] Xem xét yêu cầu của đương sự:

[2.1] Trong khoảng thời gian từ tháng 9/2009 đến tháng 01/2010, ông Nguyễn Đức S làm việc tại Công ty TNHH D và tham gia bảo hiểm xã hội số 7409255702. Tuy nhiên, ông S xác định ông không tham gia ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH D, thời gian bắt đầu hợp đồng lao động với Công ty TNHH D. Ông S không biết ai đã sử dụng thông tin cá nhân của ông để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH D và tham gia bảo hiểm xã hội mã số 7409255702.

[2.2] Xét thấy, lời khai của ông S phù hợp với xác nhận của Bảo hiểm xã hội cơ sở D1, bởi lẽ trong khoảng thời gian từ tháng 9/2009 đến tháng 01/2010 ông Nguyễn Đức S làm việc tại Công ty Cổ phần H có tham gia bảo hiểm xã hội số 9107215847.

Theo Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994, sửa đổi bổ sung năm 2002, 2006 và 2007; khoản 1 Điều 17 của Bộ luật Lao động năm 2012 và khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động năm 2019, quy định về nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động: *"Tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực"*. Theo quy định về nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động tại khoản 2 Điều 19 của Bộ luật Lao động năm 2012, thì: *"Người lao động phải cung cấp thông tin cho người sử dụng lao động về họ tên, tuổi, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, tình trạng sức khoẻ và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu"* và khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động năm 2019, thì: *"Người lao động phải cung cấp thông tin*

trung thực cho người sử dụng lao động về họ tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, xác nhận tình trạng sức khỏe và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu". Theo quy định về hợp đồng lao động vô hiệu tại điểm b khoản 1 Điều 50 của Bộ luật Lao động năm 2012, thì: *"Người ký kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền"* và điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động năm 2019, thì: *"Người giao kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền hoặc vi phạm nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật này"*.

Do đó, có căn cứ xác định chủ thể ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH D trong khoảng thời gian từ tháng 9/2009 đến tháng 01/2010 không phải là ông Nguyễn Đức S nên toàn bộ nội dung của hợp đồng lao động vi phạm pháp luật và bị vô hiệu.

[2.3] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Đức S về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Nguyễn Đức S với Công ty TNHH D (theo sổ bảo hiểm xã hội số 7409255702) bị vô hiệu.

[2.4] Tại khoản 5 Điều 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định về xem xét yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, thỏa ước lao động tập thể vô hiệu: *"... Tòa án phải giải quyết hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu"*, chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Đức S về việc xác định người lao động tại Công ty TNHH D trong giai đoạn từ tháng 9/2009 đến tháng 01/2010 không phải là ông Nguyễn Đức S. Ông Nguyễn Đức S có quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để cải chính thông tin tại sổ bảo hiểm xã hội mã số 7409255702.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về lệ phí: Ông Nguyễn Đức S phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, điểm v khoản 2 Điều 39, các Điều 146, 149, 361, 366, 367, 370, 371, 372, 401 và 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994, sửa đổi bổ sung năm 2002, 2006 và 2007;

- Căn cứ khoản 1 Điều 17, khoản 2 Điều 19, các Điều 50, 51 và 52 của Bộ luật Lao động năm 2012;

- Căn cứ khoản 1 Điều 15, khoản 2 Điều 16, các Điều 49, 50 và 51 của Bộ luật Lao động năm 2019;

- Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản

lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của ông Nguyễn Đức S.

- Tuyên bố hợp đồng lao động giữa ông Nguyễn Đức S với Công ty TNHH D (Theo sổ bảo hiểm xã hội số 7409255702) bị vô hiệu.

- Xác định người lao động theo sổ bảo hiểm xã hội số 7409255702 không phải là ông Nguyễn Đức S, sinh năm 1983; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; căn cước công dân số 040083007540. Ông Nguyễn Đức S được quyền liên hệ với C có thẩm quyền để tiến hành thủ tục cải chính thông tin tại sổ bảo hiểm xã hội mã số 7409255702.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Ông Nguyễn Đức S phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0026987 ngày 29/4/2026 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 16, TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 16, TP.Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HSVA.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Trần Thị Thắm